

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HS-PT
Ngày 30 tháng 5 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn
Các Thẩm phán: Bà Trần Ngọc Như
Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trang Thanh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 28/2019/TLPT-HS ngày 18 tháng 4 năm 2019, do có kháng cáo của bị cáo Danh Thị Bé T và các bị hại Nguyễn Thị C, Trần Thị Mỹ H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

Họ và tên: **Danh Thị Bé T**, sinh năm 1990 tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Khơ-me; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh N, sinh năm 1962 và bà Tăng Thị A, sinh năm 1966; bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn B, sinh năm 1987 và 03 người con, lớn nhất 12 tuổi, nhỏ nhất 19 tháng tuổi; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

- Bị hại có kháng cáo:

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị C:* Ông Trần Văn Vững, là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Hào, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị hại Danh Kiều T, sinh năm 1985; Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; Nguyễn Thị Út T, sinh năm 1982; Trần Thị Q, sinh năm 1978; Huỳnh Thùy C, sinh năm 1986; Tăng Thị B, sinh năm 1982; Lê Hồng Th, sinh năm 1980; Tăng Thị X, sinh năm 1972; Thạch Thị Kim S, sinh năm 1986; Nguyễn Bích N, sinh năm 1980; Trà Thị U, sinh năm 1948; Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1979; Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; Tăng Thị Linh Đ, sinh năm 1986; Phạm Thị Tr, sinh năm 1984; Phạm Thị D, sinh năm 1978; Nguyễn Thị C, sinh năm 1983; Nguyễn Mỹ B, sinh năm 1987; Phạm Thị H, sinh năm 1979; Lê Thị L, sinh năm 1958; Thị P, sinh năm 1984; Tăng Thị S, sinh năm 1963; Nguyễn Thành L, sinh năm 1976 (đã chết). Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Thành L: Huỳnh Văn B (chồng chị L). Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; Phạm Thị Y, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; Đinh Hồng C, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; Trần Bích T, sinh năm 1977; Trần Thị L, sinh năm 1962; Nguyễn Thị K, sinh năm 1981; Ngô Việc T, sinh năm 1974; Trần Thị T, sinh năm 1964. Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; Lê Mộng Ng, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; Lê Thị V, sinh năm 1950. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2015 âm lịch đến tháng 7 năm 2016 âm lịch, bị cáo Danh Thị Bé T thường trú ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, làm chủ 03 dây hội, loại hội 200.000 đồng, 15 ngày khai một lần và mời gọi nhiều người dân địa phương tham gia góp hội để hưởng hoa hồng, do bị cáo T làm chủ hội, bị cáo và các hội viên trong dây hội quy ước với nhau mỗi lần khai hội người nào bỏ hội cao thì được hốt hội. Lợi dụng việc các hội viên không đi bỏ hội, nên bị cáo dùng thủ đoạn gian dối như: Tự lấy phần hội của hội viên tham gia trong dây hội để hốt hội, kê thêm phần hội khổng và bán hội khổng cho các hội viên, nhưng thực tế không có người bỏ hội hốt, các hội viên tin tưởng và vẫn giao tiền hội cho bị cáo nên bị cáo chiếm đoạt tiền của hội viên và bỏ đi khỏi địa phương, không tiếp tục chung hội cho các hội viên. Trong khoảng thời gian trên, bị cáo T đã chiếm đoạt tiền của hội viên trong từng dây hội, cụ thể sau:

Dây hội thứ nhất: Loại hội 15 ngày khai một lần, mức tiền 200.000đ, hội mở ngày 15/11/2015 âm lịch (nhằm ngày 25/12/2015 dương lịch), dây hội này có 33 phần hội, đã khai được 24 kỳ. Trong 24 kỳ mở hội các hội viên bỏ hội hốt

thật 10 kỳ, bị cáo nói dối các hội viên để hốt hội 14 kỳ chiếm đoạt số tiền 47.785.000đ của 17 hội viên trong dây hội (không tính phần tiền hội chết mà các hội viên hốt rồi phải đóng lại)

Dây hội thứ hai: Loại hội 15 ngày khai một lần, mức tiền 200.000đ, hội mở ngày 20/5/2016 âm lịch (nhằm ngày 24/6/2016 dương lịch), dây hội này có 47 phần hội, đã khai được 12 kỳ hội. Trong 12 kỳ mở hội, các hội viên bỏ hội hốt thật 03 kỳ, bị cáo nói dối các hội viên để hốt 09 kỳ, chiếm đoạt số tiền 40.610.000đ của 23 hội viên (không tính phần tiền hội chết do Tăng Thị Linh Đ đã đóng).

Dây hội thứ ba: Loại hội 15 ngày khai một lần, mức tiền 200.000đ, hội mở ngày 20/7/2016 âm lịch (nhằm ngày 22/8/2016 dương lịch), dây hội này có 42 phần hội, đã khai được 08 kỳ. Trong 08 kỳ mở hội, các hội viên bỏ hội hốt thật 03 kỳ, bị cáo nói dối các hội viên để hốt 05 kỳ, chiếm đoạt tổng số tiền 20.685.000đ của 21 hội viên.

Ngoài hành vi trên, bị cáo T còn bán hội không cho các hội viên nhằm chiếm đoạt tiền của các hội viên trong từng dây hội, cụ thể sau:

- Dây hội mở ngày 20/7/2016 âm lịch, bị cáo T bán hội không cho hội viên Nguyễn Bích Ng 01 phần hội tại kỳ mở hội lần thứ 5, chiếm đoạt số tiền 645.000đ và chiếm đoạt số tiền của Nguyễn Bích Ng đóng hội đến kỳ mở hội lần thứ 8 số tiền 950.000đ; bán hội không cho hội viên Trần Bích T 01 phần tại kỳ mở hội lần thứ 06, chiếm đoạt số tiền 735.000đ và chiếm đoạt số tiền của Trần Bích T đóng hội đến kỳ mở hội lần thứ 7 số tiền 850.000đ.

- Dây hội mở ngày 20/5/2016 âm lịch, bị cáo T bán hội không cho hội viên Trần Bích T 01 phần hội tại lần mở hội thứ 10, chiếm đoạt số tiền 1.210.000đ và bán hội không cho hội viên Nguyễn Thị C 02 phần hội tại lần mở hội thứ 3, chiếm đoạt với số tiền 11.400.000đ.

- Dây hội mở ngày 15/11/2015 âm lịch, bị cáo T bán hội không cho hội viên Nguyễn Thị C 02 phần hội tại kỳ mở hội thứ 3, chiếm đoạt số tiền 7.900.000đ.

Từ nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu, quyết định: Tuyên bố bị cáo Danh Thị Bé T, phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Danh Thị Bé T 03 (ba) năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 608 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Danh Thị Bé T có nghĩa vụ phải hoàn trả cho bị hại số tiền 98.765.000 đồng, cụ thể: Trả cho Trần Thị T 1.250.000đ; Lê Mộng N 2.680.000đ; Trần Bích T 5.610.000đ; Ngô Việc T 6.390.000đ; Trần Thị L 4.370.000đ; Lê Thị V 5.340.000đ; Nguyễn Thị Út T 2.975.000đ; Nguyễn Thị K 4.755.000đ; Nguyễn Thị L 2.990.000đ; Lê Thị L 1.780.000đ; Phạm Thị Tr 5.995.000đ; Nguyễn Thị T 2.385.000đ; Bùi Văn Đ 8.155.000đ; Trần Thị Mỹ H 5.560.000đ; Phạm Thị D 1.000.000đ; Danh Kiều

T 2.000.000đ; Tăng Thị X 700.000đ; Trà Thị U 1.500.000đ; Thị P 2.210.000đ; Thạch Thị Kim S 2.415.000đ; Phạm Thị H 905.000đ; Phạm Thị Y 3.710.000đ; Lê Hồng T 405.000đ; Nguyễn Thị Nh 605.000đ; Nguyễn Thị L 1.210.000đ; Đinh Hồng C 305.000đ; Nguyễn Bích Ng 2.265.000đ và Nguyễn Thị C 19.300.000đ. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18 tháng 3 năm 2019, bị cáo Danh Thị Bé T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo và cung cấp các giấy biên nhận trả tiền hối giữa bị cáo và các bị hại lập ngày 26/3/2019 và ngày 30/3/2019.

Ngày 18/3/2019, bị hại Nguyễn Thị C kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu bị cáo trả tổng số tiền 76.300.000đ.

Ngày 29/3/2019, bị hại Trần Thị Mỹ H kháng cáo yêu cầu bị cáo trả số tiền hối 10.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm và đề nghị: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo, các bị hại trong quá trình điều tra, truy tố, nên việc truy tố, xét xử bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng quy định pháp luật. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ, đúng quy định. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là thiếu sót, vì có nhiều lần bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của các hội viên trên mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng với mức hình phạt 03 năm tù đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo. Đối với kháng cáo của các bị hại về số tiền hối, cấp sơ thẩm buộc bị cáo trả lại cho các bị hại số tiền bị cáo chiếm đoạt của từng kỳ mở hội là phù hợp pháp luật, đối với kháng cáo của bị hại C yêu cầu trả số tiền còn lại là 57.000.000đ, là tiền hối do bị cáo nợ tiền hối do bà C làm chủ hội và tiền vay và kháng cáo của bà H yêu cầu bị cáo trả số tiền 10.000.000đ, xét thấy đây là các giao dịch dân sự khác, bị cáo không chiếm đoạt, cấp sơ thẩm tách ra để giải quyết theo thủ tục dân sự khi có phát sinh tranh chấp là có căn cứ. Đối với kháng cáo của bà C yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo, xét thấy mức hình phạt mà cấp sơ thẩm phạt bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, các bị hại, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu về áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị C phát biểu và đề nghị: Mức hình phạt 03 năm tù, đối với bị cáo là chưa tương xứng với

tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vì bị cáo có ý thức chiếm đoạt tiền của nhiều người, với số tiền tổng cộng là 146.090.000đ, trong khi khung hình phạt quy định mức cáo nhất là 07 năm tù đối với số tiền chiếm đoạt cao nhất là 200.000.000đ, trong khi bị cáo chỉ có 02 tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường khắc phục hậu quả số tiền không nhiều và 01 tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần”, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại C tăng hình phạt đối với bị cáo. Đối với kháng cáo của bị hại C về số tiền 57.000.000đ, cấp sơ thẩm xác định đây là giao dịch dân sự khác là không phù hợp pháp luật, vì trong thời gian bị cáo có hành vi chiếm đoạt tiền của các hội viên trong các dây hội do bị cáo làm chủ hội, thì bị cáo còn tham gia 01 phần hội trong dây hội do bà C làm chủ, sau khi tham gia hội bị cáo hốt hội và không đóng lại hội chết, nên bà C phải bỏ ra 40.000.000đ để đóng hội chết thay cho bị cáo, và cũng trong thời gian này bị cáo hỏi vay của bà C 17.000.000đ để đáo nợ Ngân hàng hạn 05 ngày trả nên bà C tin và giao tiền cho bị cáo, không lâu sau bị cáo bỏ địa phương đi nơi khác, nên hành vi chơi hội và mượn tiền của bị cáo là hành vi lừa đảo cần được xử lý trách nhiệm dân sự trong vụ án này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà C, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm a, b khoản 2 Điều 357, sửa án sơ thẩm theo hướng áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự tăng hình phạt và buộc bị cáo giao trả thêm cho bà C số tiền 57.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, các bị hại trong quá trình điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2015 đến tháng 7/2016 âm lịch, bị cáo Danh Thị Bé T đã dùng thủ đoạn gian dối để hốt các phần hội của các hội viên, bán hội không cho các hội viên chiếm đoạt tổng số tiền 146.090.000 đồng của các hội viên. Hành vi của bị cáo được định khung tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện trước 00 giờ ngày 01/01/2018, theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 hướng dẫn nguyên tắc áp dụng Điều luật có lợi cho bị cáo, thì hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, việc truy tố, xét xử bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[2] Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại; có một số bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là thiếu sót, vì bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của nhiều người, nhiều lần và có nhiều lần số tiền chiếm đoạt trên mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Mặc dù, khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” đối với bị cáo, nhưng mức hình phạt 03 năm tù đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nên cần sửa phần áp dụng điều luật của án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo và cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, chỉ vì muốn có tiền chi xài cho nhu cầu cá nhân mà bị cáo bất chấp pháp luật, bất chấp niềm tin của các hội viên khi tham gia chơi hội với bị cáo để bị cáo chiếm đoạt tài sản, hành vi của bị cáo không những gây tâm lý hoang mang trong nội bộ quần chúng nhân dân trong các quan hệ giao dịch dân sự mà còn làm mất an ninh trật tự tại địa phương, tại thời điểm thực hiện hành vi, bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi và thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, chỉ trong thời gian ngắn mà số tiền bị cáo chiếm đoạt lên đến 146.090.000đ, cần xử lý nghiêm, để cải tạo, giáo dục bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo, theo Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, thì bị cáo chưa đủ điều kiện để được hưởng án treo, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Đối với các giấy biên nhận trả tiền hội giữa bị cáo và các bị hại lập ngày 26/3/2019 và 30/3/2019, xét thấy không có căn cứ để xác định bị cáo đã trả hết số tiền chiếm đoạt cho các bị hại, vì các giấy biên nhận do bị cáo cung cấp, nhưng không có chứng cứ xác thực chữ ký tên trong biên nhận là của các bị hại. Hơn nữa, cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khắc phục hậu quả cho bị cáo, nên thực tế nếu bị cáo đã trả tiền cho các bị hại thì sẽ được đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

[4] Xét kháng cáo của bị hại Trần Thị Mỹ H yêu cầu bị cáo giao trả số tiền chiếm đoạt 10.000.000đ, trong thời gian chuẩn bị xét xử bà H có cung cấp cho Tòa án một giấy xác nhận nợ lập ngày 27/5/2017, có nội dung bị cáo nợ bà số tiền hội 10.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, bà H tham gia chơi 02 phần

trong dây hụi 200.000đ, mở ngày 15/11/2015 (âl) và đóng hụi được 24 kỳ mở hụi, trong đó bị cáo dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 14 kỳ bằng số tiền 3.560.000đ, còn 10 kỳ do các hụi viên tham gia chơi trong dây hụi hốt, bị cáo không chiếm đoạt số tiền đóng hụi của 10 kỳ mở hụi này. Đối với dây hụi 200.000đ mở ngày 20/5/2016 (âl), bà tham gia chơi 02 phần, đóng được 12 kỳ, nhưng bị cáo chỉ dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 09 kỳ mở hụi, bằng số tiền 2.000.000đ. Do đó, cấp sơ thẩm quy kết trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T chiếm đoạt của bà H số tiền 5.560.000đ và buộc bị cáo trả số tiền 5.560.000đ cho bà H là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Đối với giấy xác nhận nợ hụi là sự thỏa thuận giữa bị cáo và bà H, nhưng sự thỏa thuận này không đúng quy định pháp luật, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà H. Đối với số tiền hụi bà H đã đóng hụi của 13 kỳ mở hụi trong 02 dây hụi nêu trên bằng số tiền 2.860.000đ là giao dịch dân sự, bị cáo có trách nhiệm thu từ những người đã hốt hụi chưa đóng lại hụi chết để giao trả lại cho bà H, nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[5] Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị C yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo, như đã phân tích ở phần trên thì mức hình phạt mà cấp sơ thẩm quyết định đối với bị cáo phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo. Đối với kháng cáo yêu cầu bị cáo giao trả tổng số tiền chiếm đoạt 76.300.000đ, xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố chỉ chứng minh được bị cáo bán cho bà C 02 phần hụi trong dây hụi mở ngày 20/5/2016 (âl) chiếm đoạt số tiền 11.400.000đ và bán 02 phần hụi trong dây hụi mở ngày 15/11/2015 (âl), chiếm đoạt số tiền 7.900.000đ, tổng số tiền mà bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bà C là 19.300.000đ, không có căn cứ để chứng minh bị cáo chiếm đoạt số tiền 40.000.000đ theo bà C xác định do bà đã bỏ tiền ra đóng thay hụi chết cho bị cáo trong dây hụi do bà C làm chủ hụi, và cũng như không có căn cứ để chứng minh số tiền 17.000.000đ bị cáo vay của bà C là hành vi gian dối để chiếm đoạt, nên không có căn cứ để quy kết trách nhiệm dân sự đối với bị cáo đối với số tiền 57.000.000đ theo yêu cầu của bà C, cấp sơ thẩm buộc bị cáo có trách nhiệm giao trả cho bà C số tiền chiếm đoạt 19.300.000đ là có căn cứ, phù hợp pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà C, cũng như đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà C cũng như đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C và kháng cáo của bà H.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án: Bị cáo và các bị hại kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Danh Thị Bé T và các kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị C, Trần Thị Mỹ H, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2019/HS-ST ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu, về việc áp dụng thêm tình tiết tăng nặng.

2. Tuyên bố bị cáo Danh Thị Bé T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Danh Thị Bé T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 608 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Danh Thị Bé T có trách nhiệm giao trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 19.300.000đ (mười chín triệu, ba trăm ngàn đồng) và trả cho bà Trần Thị Mỹ H số tiền 5.560.000đ (năm triệu, năm trăm, sáu mươi ngàn đồng).

4. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, không bị kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm: Buộc bị cáo Danh Thị Bé T và các bị hại Nguyễn Thị C, Trần Thị Mỹ H mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- VKSND huyện P (01b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- TAND huyện P (02b);

(đã ký)

- CQĐT CA huyện P (01b);
- Chi cục THADS huyện P (01b);
- Bị cáo (01b);
- Bị hại (02b);
- Lưu:HS, THS, THCTP;

Bùi Anh Tuấn